

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2007/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 17 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ
và phát triển rừng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 25 tháng 10 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc Thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Công văn số 605/BNN-LN ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Góp ý cho dự thảo chiến lược phát triển lâm nghiệp Quảng Trị giai đoạn 2005- 2010 và định hướng đến năm 2020; Thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 325/BNN-LN ngày 05 tháng 12 năm 2006 về Kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2007 của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 9 về Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 344/TTr-SNN ngày 27 tháng 4 năm 2007 về việc Xin phê duyệt Đề án Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Quảng Trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

Bảo vệ và phát triển vốn rừng tự nhiên, rừng trồng hiện có, chống suy thoái nguồn tài nguyên rừng, thực hiện xã hội hóa nghề rừng trên cơ sở tổ chức, quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên rừng, giao đất, giao rừng nhằm giải quyết tốt mục tiêu phòng hộ, an ninh môi trường, cung cấp đầy đủ nguồn nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản và lâm sản ngoài gỗ góp phần vào công cuộc đẩy

nhanh tăng trưởng kinh tế- xã hội của tỉnh đồng thời đáp ứng nhu cầu gỗ tiêu dùng của nhân dân, xây dựng nền lâm nghiệp phát triển bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Nâng độ che phủ của rừng từ 41,2% hiện nay lên 43- 44% vào năm 2010 và ổn định độ che phủ rừng trên 50% so với đất tự nhiên toàn tỉnh vào năm 2020.

2. Chỉ tiêu và nhiệm vụ

2.1. Ổn định quy hoạch, xây dựng và phát triển 3 loại rừng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với diện tích 330.126ha.

- Xây dựng rừng phòng hộ: Xây dựng hệ thống rừng phòng hộ ổn định, tập trung vào lưu vực 3 con sông chính trên địa bàn tỉnh và hệ thống rừng phòng hộ cát ven biển. Tổng diện tích rừng phòng hộ 95.794ha chiếm 20,2% so với diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh;

- Xây dựng rừng đặc dụng: Xây dựng ổn định Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông (37.640ha), Rú Lịnh thuộc địa bàn huyện Vĩnh Linh (270ha), Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa (25.200ha), Khu Bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyện thoại tại huyện Hướng Hóa (5.680ha). Tổng diện tích rừng đặc dụng 68.790ha chiếm 14,5% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh;

- Xây dựng rừng sản xuất: Quy hoạch điều chỉnh đối tượng rừng đã trồng, rừng tự nhiên nghèo kiệt không có khả năng phục hồi, đất trồng, đồi núi trọc có độ dốc nhỏ, địa hình thuận lợi cho phát triển rừng sản xuất. Thực hiện trồng rừng thâm canh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng. Tổng diện tích đất quy hoạch để phát triển rừng sản xuất 165.542ha, chiếm 34,9% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh.

2.2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Diện tích trồng rừng hàng năm: Giai đoạn 2007- 2010: 4.500ha/năm; trong đó: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: 1.000- 1.500ha/năm, trồng rừng sản xuất: 3.000- 3.500ha/năm. Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020: 5.000 ha/năm; trong đó: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: 1.500ha/năm, trồng rừng sản xuất: 3.500ha/năm;

- Diện tích khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên hàng năm: Giai đoạn 2007-2010: 18.000ha/năm. Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020: 20.000ha/năm;

- Diện tích giao khoán bảo vệ rừng phòng hộ xung yếu hàng năm: Giai đoạn 2007-2010: 40.000ha/năm. Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020: 50.000ha/năm;

- Khai thác, chế biến và tiêu thụ lâm sản:

+ Đối với rừng tự nhiên: Từ năm 2007 trở đi không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên để tập trung thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, nâng cao chất lượng, trữ lượng rừng. Việc khai thác rừng được xem xét khi rừng đã phục hồi về trữ lượng và chất lượng (Trữ lượng đạt khoảng 90- 120m³/ha vào năm 2010 và 120- 150m³/ha vào năm 2020);

+ Đối với rừng trồng: Giai đoạn 2007- 2010 mỗi năm khai thác 1.000- 1.500ha rừng trồng từ các chương trình dự án lâm nghiệp đã đầu tư và cây trồng phân tán với sản lượng gỗ từ 100.000- 150.000m³/năm nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho chế

biến gỗ. Giai đoạn 2011- 2020 xây dựng vùng nguyên liệu ổn định sản lượng gỗ khai thác hàng năm từ 130.000- 180.000m³/năm;

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ :

Sản lượng nhựa thông khai thác hàng năm: Giai đoạn 2007-2010: 4.000-5.000 tấn/năm. Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020: 8.000tấn/năm.

Khai thác tre, nứa, song mây...: Giai đoạn 2007- 2010: 7.000- 8.000 tấn/năm. Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020: 10.000tấn/năm.

+ Chế biến lâm sản :

Ổn định vùng nguyên liệu, xây dựng cơ chế hỗ trợ cho Nhà máy gỗ MDF Geruco Quảng Trị. Quy hoạch, chấn chỉnh lại các cơ sở chế biến gỗ gia dụng hiện có, xúc tiến việc xây dựng Nhà máy chế biến nhựa thông công suất 4.000-5.000tấn/năm.

- Đo đạc, giao đất cho các công ty lâm nghiệp với diện tích 22.904ha trong năm 2007- 2008;

- Giao đất, giao rừng cho các cộng đồng thôn, bản, hộ gia đình và cá nhân: Giai đoạn 2007- 2010: 10.000ha. Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020 giao 20.000ha;

- Đo đạc, giao đất, cắm mốc ranh giới cho các Ban Quản lý rừng phòng hộ với diện tích là 95.794ha trong các năm 2007- 2008;

- Trồng cây phân tán hàng năm: Giai đoạn 2007- 2010: 2,0- 2,5 triệu cây/năm; Định hướng từ năm 2011 đến năm 2020: 2,5- 3 triệu cây/năm;

- Thông qua các hoạt động trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, giải quyết việc làm hàng năm khoảng 15.000- 20.000 người;

- Vốn đầu tư cho phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2007- 2010: 155.175 triệu đồng;

Bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: Đầu tư từ Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng: 13.500- 14.000 triệu đồng/năm (Bao gồm: Trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, bảo vệ khoanh nuôi rừng, xây dựng hạ tầng lâm sinh...);

- Ngân sách tỉnh:

+ Đầu tư đo đạc, giao đất cho các công ty lâm nghiệp: 1.000 triệu đồng được trích từ nguồn khai thác chuyển đổi rừng trồng của chương trình 327, 661;

+ Đầu tư đo đạc, giao đất, cắm mốc rừng phòng hộ: 3.500 triệu. Xin kinh phí đầu tư của Trung ương và có thể huy động một phần kinh phí từ nguồn khai thác gỗ rừng trồng dự án 327,661 do chuyển đổi mục đích sử dụng;

+ Đầu tư từ cho phòng, chống, chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, trồng cây phân tán. Bình quân 1.500- 2.000 triệu đồng/ năm;

- Vốn của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân:

+ Đầu tư để phát triển rừng sản xuất. Bình quân 20.000- 30.000 triệu đồng/năm;

- Giá trị sản phẩm ngành Lâm nghiệp: Đến năm 2010 đạt khoảng 70 tỷ đồng/năm; trong đó: Sản phẩm gỗ từ rừng trồng: 60 tỷ đồng/năm, các lâm sản khác: 10 tỷ đồng/năm;

3. Một số giải pháp chủ yếu phát triển lâm nghiệp tỉnh giai đoạn 2007- 2010 và định hướng đến năm 2020

3.1. Kiện toàn, đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp các cấp, thực hiện tốt mục tiêu xã hội hóa nghề rừng.

3.2. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển ngành, chú trọng đào tạo cán bộ lâm nghiệp ở cơ sở. Xây dựng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật lâm nghiệp, từng bước đưa sản xuất lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

3.3. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 28/NQ-TW của Bộ Chính trị, Nghị định 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ để làm thủ tục chuyển đổi 3 lâm trường quốc doanh sang 3 công ty TNHH 1 thành viên lâm nghiệp với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất của các công ty, tạo động lực mới để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, đảm bảo an ninh- quốc phòng.

3.4. Đẩy mạnh chương trình quy hoạch sử dụng đất, giao và cho thuê đất lâm nghiệp. Giao đất, giao rừng gắn liền với quy hoạch sử dụng đất, đồng thời kết hợp với chính sách đầu tư tín dụng, khuyến nông- lâm, chính sách thị trường và các chính sách khác.

3.5. Khuyến khích đầu tư cho việc thử nghiệm các mô hình tổ chức quản lý và sản xuất nông- lâm- nghiệp, trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và hệ thống các giải pháp kỹ thuật phù hợp với loại hình quản lý lâm nghiệp này.

3.6. Nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho người dân thông qua việc thường xuyên hướng dẫn, giáo dục Luật Bảo vệ và phát triển rừng vào trong các bản, làng và trường học, nhất là cư dân ở các vùng sâu, vùng xa, ở những thôn, bản có rừng, đặc biệt là bản của người dân tộc thiểu số. Khuyến khích xây dựng lực lượng quần chúng bảo vệ rừng cộng đồng thôn, bản nhằm tổ chức cho một bộ phận dân cư sống gần rừng tham gia vào quản lý, bảo vệ và xây dựng phát triển rừng. Triển khai xây dựng và thực hiện tốt quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

3.7. Lồng ghép các hoạt động lâm nghiệp trong các dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn hiện nay trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy hoạch phát triển nông- lâm nghiệp tại các địa phương. Tiến hành việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, các tổ chức để tham gia trông rừng theo mục tiêu của các dự án.

3.8. Huy động các nguồn vốn giúp đỡ, hỗ trợ, vốn vay của các tổ chức để phát triển trông rừng, quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng.

3.9. Xây dựng và ổn định mạng lưới cung ứng giống từ cấp tỉnh đến các địa phương.

3.10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

3.11. Bổ sung, điều chỉnh phương án phòng, chống cháy, chữa cháy rừng trên phạm vi quy mô toàn tỉnh và nội bộ các địa phương, các chủ rừng. Thực hiện các giải pháp lâm sinh tổng hợp nhằm hạn chế tối đa khả năng cháy và lây lan đám cháy khi có

lửa rừng xảy ra. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho phòng, chống cháy như đường ranh cản lửa, chòi canh lửa rừng, mua sắm các trang thiết bị chữa cháy rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân, nâng cao ý thức cho người dân trong việc phòng, chống, chữa cháy rừng. Hàng năm phải chú trọng xây dựng phương án phòng, chống cháy rừng, tổ chức lực lượng cứu chữa khi cháy rừng xảy ra.

3.12. Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong trồng rừng nhằm giảm bớt khó khăn, nặng nhọc cho người lao động. Sử dụng các phương pháp gieo tạo cây con hợp lý phục vụ cho trồng rừng ở các vùng sâu, xa, vùng núi cao. Sử dụng các giải pháp kỹ thuật thâm canh để phát triển rừng trồng nguyên liệu, nghiên cứu, áp dụng các công nghệ tiên tiến trong chế biến lâm sản, bảo tồn, đa dạng sinh học.

3.13. Xây dựng chính sách hưởng lợi cho người dân nhận khoán rừng. Người dân được hưởng lợi từ những sản phẩm dưới tán rừng, khai thác các lâm sản phụ, hưởng một phần từ giá trị tăng thêm của rừng. Đối với rừng sản xuất: Thực hiện tốt việc giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Phúc